



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 05 + 06

Ngày 01 tháng 01 năm 2022

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 24-11-2021- Quyết định số 4013/QĐ-UBND về ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống tổng đài khẩn cấp liên thông 113 - 114 - 115 và phòng chống thiên tai phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 24-11-2021- Quyết định số 4020/QĐ-UBND v/v công bố Danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực công nghiệp tiêu dung, điện, hóa chất, lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương. 36
- 02-12-2021- Quyết định số 4090/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước, lĩnh vực khoáng sản, lĩnh vực đo đạc bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường. 59

06-12-2021- Quyết định số 4112/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực công chứng, lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

79

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống tổng đài
khẩn cấp liên thông 113 - 114 - 115 và phòng chống thiên tai
phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh.**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật An toàn Thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ
về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính
phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật
nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao
thông và bảo vệ môi trường;*

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi

tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019 (có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 58/TTr-STTTT ngày 27 tháng 10 năm 2021 về trình dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống tổng đài khẩn cấp liên thông 113 - 114 - 115 và phòng chống thiên tai phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống tổng đài khẩn cấp liên thông 113 - 114 - 115 và phòng chống thiên tai phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Công an Thành phố, Chánh Văn phòng - Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Giám đốc Trung tâm cấp cứu 115 Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Anh Đức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống tổng đài khẩn cấp liên thông
113 - 114 - 115 và phòng chống thiên tai phục vụ công tác cứu nạn cứu hộ
tại Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4013/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này nhằm quy định việc quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống tổng đài khẩn cấp liên thông 113 - 114 - 115 và phòng chống thiên tai phục vụ công tác cứu nạn cứu hộ tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là hệ thống tổng đài liên thông).

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống tổng đài liên thông.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống tổng đài liên thông: là hệ thống (bao gồm hạ tầng mạng, trung tâm dữ liệu, phần cứng, phần mềm và các hệ thống, thiết bị liên quan khác) nhằm truyền tải âm thanh, dữ liệu qua hạ tầng viễn thông và đường truyền mạng số liệu chuyên dùng của thành phố giữa các điểm, đơn vị thuộc các cơ quan thực hiện công tác tiếp nhận và xử lý thông tin trong trường hợp khẩn cấp.

2. An toàn, an ninh thông tin: Bao gồm các hoạt động quản lý, nghiệp vụ và kỹ thuật đối với hệ thống tổng đài liên thông nhằm bảo vệ, khôi phục các hệ thống, các dịch vụ và nội dung thông tin trước các nguy cơ tự nhiên hoặc do con người gây ra.

An toàn, an ninh thông tin bao hàm các nội dung bảo vệ và bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng

3. Cơ quan quản lý: là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý, triển khai hệ thống tổng đài liên thông trên địa bàn thành phố.

Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ quản lý hệ thống tổng đài khẩn cấp liên thông.

4. Cơ quan vận hành: là đơn vị thực hiện chức năng vận hành, theo dõi hoạt động của hệ thống tổng đài liên thông; làm đầu mối phối hợp với cơ quan quản lý Nhà nước và các đơn vị có liên quan để vận hành hệ thống ổn định, thông suốt và chịu trách nhiệm đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, bí mật nhà nước của hệ thống tổng đài liên thông.

Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông là đơn vị được Sở Thông tin và Truyền thông giao nhiệm vụ quản lý, theo dõi công tác vận hành, hoạt động của hệ thống tổng đài liên thông. Việc thay đổi đơn vị vận hành sẽ được thực hiện theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Đơn vị cung cấp dịch vụ: là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật được lựa chọn theo quy định, chịu trách nhiệm cung cấp hạ tầng kỹ thuật, đường truyền, hệ thống thiết bị theo thiết kế, đảm bảo hệ thống tổng đài liên thông hoạt động thông suốt, đáp ứng các yêu cầu về an ninh, an toàn thông tin.

6. Cơ quan sử dụng: Công an Thành phố, Sở Y tế, Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Thành phố, Trung tâm cấp cứu 115 thành phố, Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ (Công an Thành phố).

7. Đơn vị ứng cứu khẩn cấp: Công an thành phố (bao gồm các đơn vị trực thuộc), Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố, Trung tâm Cấp cứu 115 (bao gồm các trạm cấp cứu vệ tinh).

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc phối hợp tiếp nhận và xử lý thông tin của người dân đối với các trường hợp khẩn cấp, cứu nạn cứu hộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh phải được thực hiện thông qua hệ thống tổng đài khẩn cấp liên thông 113 - 114 - 115.

2. Các thông tin được người dân cung cấp phải được tiếp nhận và xử lý nhanh

chóng, kịp thời theo đúng chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị ứng cứu khẩn cấp, hoặc có sự phối hợp khi cần thiết theo quy định pháp luật và các quy định khác liên quan đến tiếp nhận và xử lý thông tin khẩn cấp của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

Điều 4. Vị trí, chức năng của Hệ thống tổng đài khẩn cấp liên thông 113 - 114 - 115

1. Hệ thống tổng đài liên thông là hệ thống công nghệ thông tin - viễn thông nhằm nâng cao hiệu quả trong quy trình tiếp nhận, phối hợp xử lý các thông tin khẩn cấp từ người dân của các cơ quan chức năng; cung cấp, tích hợp thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo thành phố và các đơn vị có liên quan.

2. Hệ thống tổng đài liên thông thực hiện 3 nhóm chức năng sau:

a) Cung cấp khả năng kết nối giữa các đơn vị ứng cứu khẩn cấp nhằm phục vụ người dân tốt hơn.

b) Tăng cường, hỗ trợ các đơn vị ứng cứu khẩn cấp hoàn thiện bổ sung hệ thống tiếp nhận, theo dõi xử lý trong điều kiện hệ thống tại đơn vị chưa đáp ứng.

c) Cung cấp, tích hợp thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo thành phố và các đơn vị có liên quan.

3. Hệ thống tổng đài liên thông là một thành phần cơ bản của hệ thống thông tin liên lạc trong các tình huống khẩn cấp của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Chế độ thông tin, lưu trữ

1. Cơ quan vận hành có trách nhiệm bảo mật, lưu trữ, bảo quản, sao lưu dữ liệu thông tin liên quan đến cuộc gọi.

2. Cơ quan vận hành lưu trữ tất cả thông tin cuộc gọi trong suốt quá trình hoạt động của hệ thống tổng đài liên thông. Thông tin cuộc gọi phải được lưu trữ ít nhất 06 tháng trên hệ thống tổng đài liên thông. Sau thời gian trên, cơ quan vận hành tiến hành sao lưu, bảo quản bằng các hình thức phù hợp và tiếp tục lưu trữ các dữ liệu ghi âm cuộc gọi trong thời gian ít nhất 06 tháng kể từ ngày tiến hành sao lưu.

3. Cơ quan sử dụng được quyền truy xuất, khai thác dữ liệu theo yêu cầu bằng văn bản và phù hợp với thẩm quyền quản lý của đơn vị, trong đó, xác định rõ các yêu cầu và thông tin nhân sự cụ thể để tiếp nhận dữ liệu được trích xuất từ hệ thống do cơ

quan vận hành cung cấp. Cơ quan sử dụng có trách nhiệm bảo mật dữ liệu được cung cấp.

4. Nhân viên tiếp nhận cuộc gọi, các cá nhân, đơn vị trong quá trình sử dụng và khai thác hệ thống tổng đài liên thông chỉ được tiếp nhận và chuyển tiếp thông tin trên hệ thống tổng đài liên thông; không lưu trữ, trao đổi và phát tán thông tin ra bên ngoài dưới mọi hình thức, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý. Mọi trường hợp lộ, lọt thông tin sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

Điều 6. Yêu cầu khi sử dụng hệ thống tổng đài

Cơ quan sử dụng phải đảm bảo các điều kiện cụ thể trong quá trình sử dụng như sau:

1. Không để các vật dễ cháy, nổ, chất lỏng gần các thiết bị của hệ thống.
2. Đảm bảo các điều kiện về phòng cháy chữa cháy.
3. Đảm bảo các điều kiện về nguồn điện ổn định cho hệ thống.
4. Quản lý các tài khoản truy cập vào hệ thống; đảm bảo chỉ có những cá nhân, đơn vị được giao quyền được phép truy cập vào cơ sở dữ liệu của hệ thống.
5. Vận hành hệ thống phải đúng quy trình kỹ thuật; không tự ý thay đổi, cấu hình hệ thống, cài đặt, kết nối bất kỳ phần mềm, ứng dụng hoặc sử dụng các thiết bị ngoại vi (thẻ nhớ, ổ đĩa di động, thiết bị lưu trữ,...) trên các thiết bị thuộc hệ thống khi chưa có sự đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông thông qua cơ quan vận hành hệ thống.
6. Phối hợp, thường xuyên giám sát điều kiện hoạt động bình thường của hệ thống, kịp thời phát hiện và thông báo cơ quan vận hành đối với các dấu hiệu bất thường và các sự cố phát sinh trong quá trình sử dụng hệ thống.

Điều 7. Quy định về quản lý thiết bị

1. Các thiết bị thuộc hệ thống tổng đài liên thông phải đặt tên và dán nhãn.

2. Căn cứ nhu cầu tại các đơn vị ứng cứu khẩn cấp, Cơ quan sử dụng có trách nhiệm rà soát và báo cáo nhu cầu sử dụng thiết bị đầu cuối định kỳ 06 tháng một lần cho cơ quan vận hành bằng văn bản; trong trường hợp phát sinh hư hỏng nhẹ cần cung cấp thông tin bằng văn bản cho cơ quan vận hành để thay thế khắc phục; trong trường hợp phát sinh hư hỏng nặng phải liên hệ trực tiếp với cơ quan vận hành bằng điện thoại hoặc thư điện tử để kịp thời thay thế khắc phục và cung cấp thông tin bổ sung bằng văn bản trong vòng 02 ngày làm việc cho cơ quan vận hành hệ thống.

3. Trong trường hợp cơ quan sử dụng có các yêu cầu phát sinh về tính năng hệ thống tổng đài liên thông, phải thông báo cho cơ quan quản lý và cơ quan vận hành bằng văn bản, trong đó, nêu rõ các tính năng đề nghị được bổ sung.

4. Cơ quan vận hành căn cứ theo hợp đồng yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ phải kiểm tra định kỳ 01 tháng một lần đối với các thiết bị, hệ thống dùng chung (máy chủ, thiết bị chuyển mạch, thiết bị tường lửa, phần mềm,...); định kỳ 03 tháng một lần đối với các thiết bị đầu cuối tại các cơ quan sử dụng và có biên bản xác nhận của cơ quan vận hành, đơn vị cung cấp dịch vụ và cơ quan sử dụng.

5. Cơ quan vận hành có trách nhiệm giám sát việc kiểm tra định kỳ của đơn vị cung cấp dịch vụ, có biên bản lưu lại kết quả kiểm tra; yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ phải đảm bảo đầy đủ thiết bị dự phòng và các thiết bị phụ trợ khác trong trường hợp phát sinh để kịp thời thay thế.

Điều 8. Quy định về xử lý sự cố

1. Cơ quan vận hành là đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện về công tác quản lý tài sản, quản trị, giám sát, phát hiện và xử lý sự cố đúng nguyên tắc và quy trình được nêu tại quy chế này.

2. Nhân viên tiếp nhận cuộc gọi hoặc cán bộ trực chỉ huy của cơ quan sử dụng có trách nhiệm phối hợp giám sát, thông báo bằng điện thoại cho cơ quan vận hành và đơn vị cung cấp dịch vụ trong vòng 05 phút kể từ khi phát hiện các dấu hiệu bất thường và các sự cố phát sinh trong quá trình sử dụng hệ thống.

3. Khi phát hiện hoặc được cung cấp thông tin về sự cố, cơ quan vận hành yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật thực hiện các biện pháp cô lập và xác định nguyên nhân xảy ra sự cố theo nguyên tắc hạn chế tối đa ảnh hưởng tới hoạt động của hệ thống; đồng thời phải thông báo ngay cho cơ quan quản lý và các cơ quan, đơn vị

có liên quan về tình hình sự cố.

4. Tùy thuộc vào mức độ ảnh hưởng của sự cố, đánh giá và phân loại theo 03 mức: sự cố nhỏ, sự cố nghiêm trọng và sự cố đặc biệt nghiêm trọng.

a) Sự cố nhỏ là sự cố không làm gián đoạn, ảnh hưởng hoạt động của các Trung tâm chỉ huy 113, 114, 115 hoặc chỉ gây ảnh hưởng, gián đoạn hoạt động của các trạm vệ tinh/quận huyện và có thời gian xử lý dự kiến không quá 45 phút. Cơ quan vận hành chủ trì phối hợp đơn vị cung cấp dịch vụ, cơ quan sử dụng tổ chức xử lý sự cố, ghi nhận báo cáo xử lý và giải pháp khắc phục trong báo cáo quản trị hàng tháng. Thời gian khắc phục, xử lý sự cố và đưa hệ thống về trạng thái hoạt động bình thường không quá 45 phút kể từ khi phát hiện sự cố.

b) Sự cố nghiêm trọng là sự cố làm gián đoạn, ảnh hưởng hoạt động của các trạm vệ tinh quận, huyện với thời gian xử lý dự kiến lớn hơn 45 phút, hoặc làm gián đoạn, ảnh hưởng hoạt động của một trong các Trung tâm chỉ huy 113, 114, 115 với thời gian xử lý dự kiến không quá 150 phút. Ngay sau khi phát hiện hoặc được cung cấp thông tin sự cố, cơ quan vận hành yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ triển khai đánh giá ảnh hưởng của sự cố, thực hiện báo cáo ngay qua điện thoại, thư điện tử hoặc các hình thức liên lạc khác cho cơ quan quản lý, triển khai ngay giải pháp khắc phục. Đồng thời, hệ thống dự phòng phải được kích hoạt trong vòng 02 phút kể từ khi cơ quan vận hành tiếp nhận, phát hiện sự cố và thông báo đơn vị cung cấp dịch vụ. Thời gian khắc phục, xử lý sự cố và đưa hệ thống về trạng thái hoạt động bình thường không quá 150 phút kể từ khi phát hiện sự cố.

c) Sự cố đặc biệt nghiêm trọng là sự cố làm gián đoạn, ảnh hưởng hoạt động của một trong các Trung tâm chỉ huy 113, 114, 115 với thời gian xử lý dự kiến lớn hơn 150 phút, hoặc sự cố làm gián đoạn, ảnh hưởng hoạt động từ hai trong các Trung tâm chỉ huy 113, 114, 115, hoặc các sự cố liên quan có dấu hiệu tấn công an ninh mạng. Ngay sau khi phát hiện hoặc được cung cấp thông tin về sự cố, cơ quan vận hành yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức đánh giá ảnh hưởng của sự cố, báo cáo ngay qua điện thoại, email hoặc các hình thức liên lạc khác cho cơ quan quản lý; tập hợp và huy động tối đa nguồn lực để giải quyết sự cố và chuyển đổi ngay hoạt động của hệ thống sang hệ thống dự phòng trong vòng 02 phút. Thời gian khắc phục, xử lý sự cố và đưa hệ thống về trạng thái hoạt động bình thường không quá 240 phút kể từ khi phát hiện sự cố. Trong trường hợp thời gian khắc phục, xử lý sự cố dài hơn 240 phút,

cơ quan vận hành yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ phải thông báo cho cơ quan quản lý về tình trạng, tiến độ khắc phục sự cố và xác nhận lại thời gian dự kiến khắc phục dứt điểm.

5. Yêu cầu đối với việc xử lý sự cố cần tuân thủ các nguyên tắc:

a) Phải tuân thủ Quy trình phối hợp tiếp nhận và xử lý sự cố được phê duyệt và ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người sử dụng và thiết bị của hệ thống.

c) Các dữ liệu quan trọng phải được sao lưu trước khi xử lý sự cố.

d) Ghi nhật ký sự cố kỹ thuật phát sinh tại chỗ.

đ) Trường hợp sự cố vượt quá khả năng xử lý, báo cáo ngay cho Sở Thông tin và Truyền thông để có chỉ đạo xử lý.

e) Thông báo cho các bên liên quan về tình trạng hệ thống và thời gian dự kiến khắc phục xong sự cố.

g) Đối với tất cả các sự cố nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, cơ quan vận hành yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ cần thông báo ngay qua điện thoại, email hoặc các hình thức liên lạc khác cho cơ quan quản lý; đồng thời, có văn bản báo cáo cơ quan quản lý trong vòng 03 ngày làm việc về nguyên nhân, giải pháp triển khai xử lý và phương hướng khắc phục, hạn chế.

Điều 9. Quy định về bảo trì, bảo dưỡng

1. Cơ quan vận hành có trách nhiệm

a) Xây dựng, tham mưu cơ quan quản lý phê duyệt kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hệ thống định kỳ.

b) Phối hợp, yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống.

c) Yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ cam kết bảo mật thông tin theo quy định, không sao chép dưới bất kỳ hình thức nào về thông tin cuộc gọi của hệ thống tổng đài liên thông. Giám sát, đảm bảo đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện đúng, đầy đủ theo cam kết tại hợp đồng cung cấp dịch vụ.

2. Yêu cầu về bảo trì, bảo dưỡng

a) Việc thực hiện bảo trì, bảo dưỡng không được làm gián đoạn và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của hệ thống tổng đài.

b) Quá trình bảo trì, bảo dưỡng phải thực hiện theo đúng yêu cầu, khuyến cáo từ nhà sản xuất thiết bị và ghi nhật ký về tình trạng hoạt động trước và sau khi thực hiện.

Điều 10. Quy định về khai thác dữ liệu

1. Cơ quan sử dụng đăng ký nhu cầu, mục đích khai thác dữ liệu và thông tin nhân sự chịu trách nhiệm đối với dữ liệu được truy xuất bằng văn bản cho cơ quan quản lý và cơ quan vận hành hệ thống tổng đài liên thông.

2. Trong vòng 05 ngày làm việc từ khi tiếp nhận văn bản, cơ quan vận hành có trách nhiệm cấp tài khoản khai thác dữ liệu cho nhân sự theo đăng ký của cơ quan sử dụng.

3. Cơ quan sử dụng và nhân sự được giao tài khoản có trách nhiệm quản lý bảo mật tài khoản được cấp, dữ liệu khai thác, trích xuất từ hệ thống.

4. Việc sử dụng dữ liệu được khai thác phải phù hợp thẩm quyền, lĩnh vực quản lý và nhu cầu, mục đích đã được cơ quan sử dụng đăng ký và đúng quy định pháp luật.

5. Trong trường hợp có thay đổi về mục đích, nhu cầu khai thác dữ liệu và nhân sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 10, cơ quan sử dụng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan vận hành và cơ quan quản lý.

Điều 11. Quy định về kiểm tra, báo cáo định kỳ

1. Định kỳ hàng tháng, cơ quan vận hành phối hợp, yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện báo cáo bằng văn bản và qua thư điện tử tình hình vận hành của hệ thống tổng đài liên thông cho cơ quan quản lý.

2. Cơ quan vận hành tổ chức kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý, triển khai, vận hành và khai thác sử dụng hệ thống tổng đài liên thông theo các quy định tại Quy chế này tối thiểu 06 tháng một lần.

3. Các nội dung kiểm tra:

a) Việc bảo đảm các điều kiện về môi trường cho hoạt động của hệ thống tổng đài liên thông.

b) Tình hình sử dụng thiết bị, sử dụng ứng dụng của hệ thống.

c) Hoạt động của hệ thống máy chủ, máy trạm, thiết bị mạng, thiết bị điện thoại IP, các dịch vụ (cập nhật các bản vá, bản sửa lỗi, dung lượng ổ cứng, hiệu năng sử dụng,...).

d) Tình hình an ninh bảo mật hệ thống, đánh giá hiệu quả (khả năng phát hiện và ngăn chặn) của hệ thống bảo mật.

đ) Kiểm tra công tác sao lưu, lưu trữ, phục hồi dữ liệu.

e) Quản lý hồ sơ: ghi nhật ký, cập nhật, tổng hợp thiết bị, báo cáo.

g) Việc tuân thủ các quy định khác nêu tại quy định này.

4. Hàng quý, cơ quan vận hành phối hợp, yêu cầu đơn vị cung cấp dịch vụ tiến hành kiểm tra định kỳ, đánh giá phân tích hiệu quả hoạt động của hệ thống tổng đài và tổng hợp báo cáo với cơ quan quản lý. Trong trường hợp phát hiện các bất cập, lỗi liên quan đến các hệ thống, cơ quan vận hành thực hiện báo cáo và xây dựng kế hoạch khắc phục.

Chương III

QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan quản lý

1. Chịu trách nhiệm chung về hoạt động của hệ thống tổng đài liên thông trước Ủy ban nhân dân Thành phố. Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc và phối hợp kiểm tra các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy chế này nhằm đảm bảo hệ thống tổng đài liên thông hoạt động ổn định, hiệu quả.

2. Định kỳ hàng quý tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình tiếp nhận và xử lý thông tin từ người dân của các đơn vị ứng cứu khẩn cấp.

3. Phối hợp cơ quan vận hành, đơn vị cung cấp dịch vụ, các cơ quan sử dụng hệ thống, các doanh nghiệp viễn thông và cơ quan, tổ chức có liên quan để triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống tổng đài liên thông. Báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan về ban hành cơ chế, chính sách phù hợp, đảm bảo hoạt động hiệu quả của hệ thống tổng đài liên thông.

4. Chỉ đạo, phối hợp các cơ quan báo, đài trên địa bàn Thành phố, Trung tâm

báo chí Thành phố, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội và các đơn vị liên quan thông tin, tuyên truyền rộng rãi về hệ thống tổng đài liên thông đến người dân, doanh nghiệp, tổ chức biết và sử dụng đúng quy định pháp luật.

5. Chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố và các đơn vị liên quan xử lý các trường hợp, hành vi quấy rối, gây ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống tổng đài liên thông.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan vận hành

1. Tổ chức quản trị vận hành, thuê dịch vụ hệ thống tổng đài liên thông, dịch vụ đường truyền (nếu có); triển khai, thiết lập các thiết bị thuộc hệ thống tổng đài liên thông theo yêu cầu của các đơn vị ứng cứu khẩn cấp; thực hiện giám sát, theo dõi hoạt động và triển khai, hướng dẫn thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh đối với hệ thống tổng đài liên thông. Chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo an ninh, an toàn thông tin và hoạt động ổn định của hệ thống tổng đài liên thông.

2. Tham mưu xây dựng chính sách khai thác và sử dụng hệ thống tổng đài liên thông hiệu quả; các quy trình về vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố và phương án dự phòng khi xảy ra sự cố nghiêm trọng, sự cố đặc biệt nghiêm trọng để đảm bảo tính liên tục của hệ thống tổng đài liên thông; quy trình cấp mới, di dời, thu hồi tài nguyên trên hệ thống tổng đài liên thông.

3. Tổ chức bảo trì, bảo dưỡng bảo đảm các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, an toàn thông tin và bảo vệ hệ thống tổng đài liên thông hoạt động thông suốt.

4. Tập huấn, đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ khai thác hệ thống tổng đài liên thông cho cán bộ, nhân viên của các đơn vị ứng cứu khẩn cấp để khai thác hiệu quả hệ thống tổng đài liên thông.

5. Tham mưu cơ quan quản lý về việc nâng cấp và mở rộng các tính năng của hệ thống tổng đài liên thông.

6. Kiểm tra và giám sát đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật, tuân thủ chấp hành thực hiện đúng các quy định trong hợp đồng cung cấp dịch vụ và các quy định nêu trong quy chế này.

7. Lưu trữ, xử lý số liệu, cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, kịp thời, chính xác. Lập các báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu cho

cơ quan quản lý và các cơ quan có thẩm quyền về tình hình hoạt động của hệ thống tổng đài liên thông.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan sử dụng

1. Bảo quản, vệ sinh thiết bị thường xuyên.
2. Sử dụng hệ thống tổng đài liên thông trong phạm vi và mục đích cho phép.
3. Chỉ đạo, quán triệt và tổ chức tập huấn cho nhân viên tiếp nhận cuộc gọi, cán bộ trực chỉ huy và các cá nhân có liên quan về nội dung của Quy chế, việc sử dụng, khai thác và bảo quản các trang thiết bị, phần mềm thuộc hệ thống tổng đài liên thông.
4. Phối hợp, thường xuyên giám sát điều kiện hoạt động bình thường của hệ thống, tiến hành kiểm tra định kỳ nội bộ để kịp thời phát hiện và thông báo cơ quan vận hành đối với các dấu hiệu bất thường và các sự cố phát sinh trong quá trình sử dụng hệ thống tổng đài liên thông.

Điều 15. Trách nhiệm chung của các đơn vị

1. Tuân thủ các quy định về an toàn bảo mật thông tin, quản lý vận hành và khai thác thông tin trên hệ thống tổng đài liên thông đã được phân quyền truy cập thông tin.
2. Không thực hiện các hành vi đánh cắp, giả mạo tài khoản để truy cập vào hệ thống tổng đài liên thông.
3. Không sử dụng các công cụ, phần mềm, trang thiết bị làm tổn hại đến hoạt động của hệ thống tổng đài liên thông.
4. Trường hợp phát sinh sự cố, thông báo cho cơ quan vận hành để được hướng dẫn và hỗ trợ khắc phục. Phối hợp với cán bộ kỹ thuật theo sự phân công của đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong việc xử lý sự cố và xác nhận kết quả xử lý.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Thanh tra, kiểm tra, giám sát

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp cơ quan vận hành thực hiện

thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm định kỳ và đột xuất đối với việc cung cấp dịch vụ cho hệ thống tổng đài liên thông theo quy định pháp luật và Quy chế này.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với cơ quan vận hành tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này của các cá nhân, đơn vị, tổ chức có liên quan đến việc khai thác và sử dụng hệ thống tổng đài liên thông.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Người đứng đầu các cơ quan sử dụng hệ thống tổng đài liên thông có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này tại đơn vị.

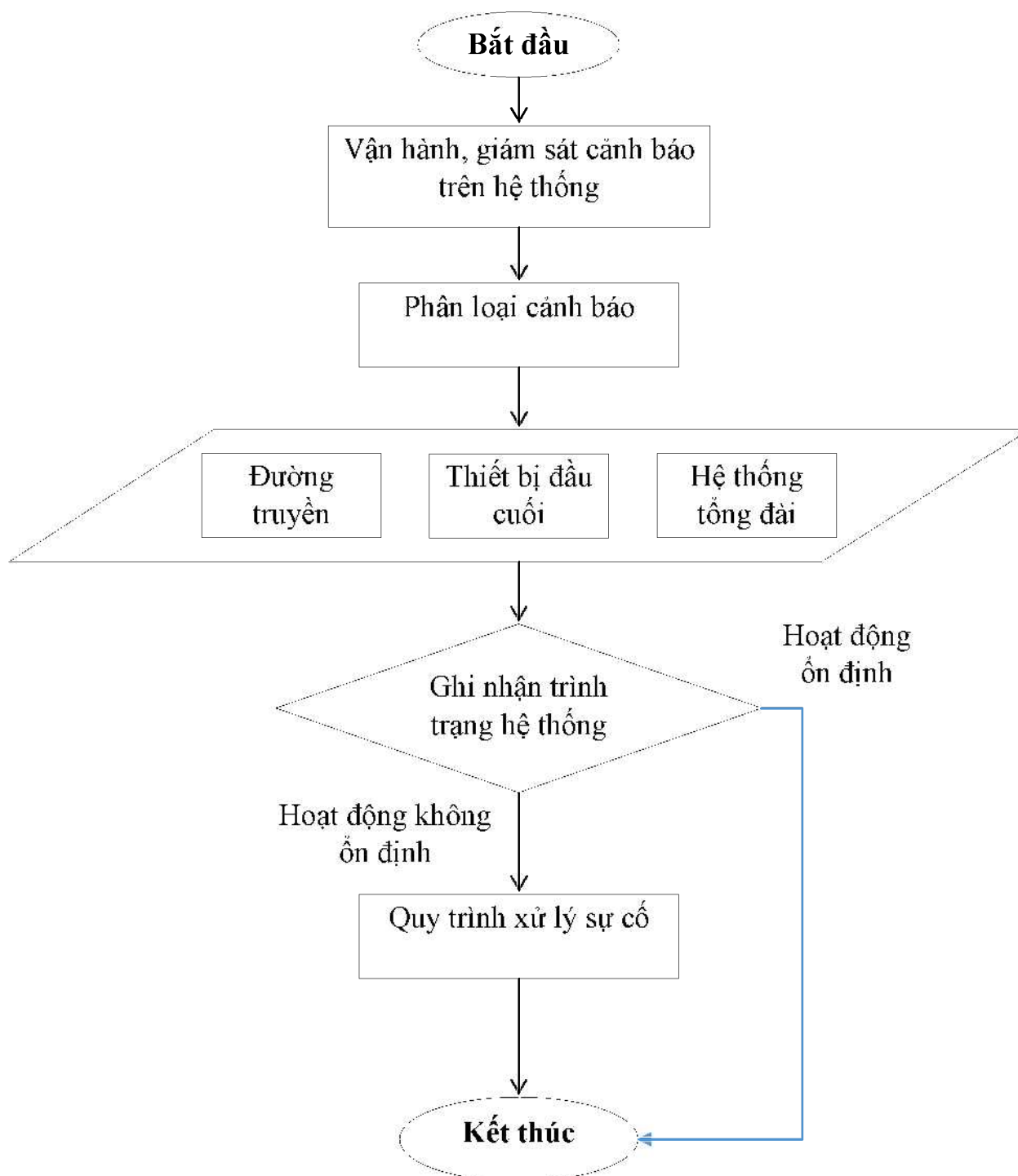
2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, bố trí kinh phí duy trì hoạt động, vận hành và nâng cấp hệ thống tổng đài liên thông hàng năm trên cơ sở đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc, phát sinh, không phù hợp, các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh Quy chế này phù hợp với thực tế.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân thành phố)

Quy trình vận hành, giám sát hệ thống tổng đài liên thông 113 - 114 - 115**1. Lưu đồ quy trình**

2. Diễn giải quy trình

Bước 1: Giám sát, theo dõi cảnh báo trên hệ thống

- Đơn vị cung cấp dịch vụ triển khai hệ thống tổng đài liên thông 113 - 114 - 115 chịu trách nhiệm bố trí nhân sự giám sát, theo dõi, vận hành đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt 24/7.

- Cơ quan sử dụng chỉ đạo, hướng dẫn cán bộ, nhân viên trực tổng đài giám sát thường xuyên hoạt động, kịp thời phát hiện các dấu hiệu bất thường của hệ thống tổng đài liên thông được trang bị tại đơn vị.

- Theo dõi cảnh báo hoạt động của hệ thống qua công cụ giám sát đã được thiết lập.

Bước 2: Phân loại cảnh báo

- Đường truyền: kết nối đường truyền mạng Metronet từ đơn vị sử dụng về hệ thống tổng đài.

- Thiết bị đầu cuối: tình trạng hoạt động điện thoại IP phone, kết nối tín hiệu từ điện thoại về hệ thống tổng đài.

- Hệ thống tổng đài: tài nguyên máy chủ, khả năng chịu tải của hệ thống, trạng thái các dịch vụ của ứng dụng.

Bước 3: Ghi nhận tình trạng hệ thống

- Hệ thống hoạt động bình thường, kết thúc quy trình. Quay lại bước 1.

- Trong trường hợp ghi nhận hệ thống hoạt động không ổn định, thực hiện quy trình phối hợp tiếp nhận và xử lý sự cố hệ thống tổng đài liên thông 113 - 114 - 115. Quay lại bước 1.

PHỤ LỤC 2

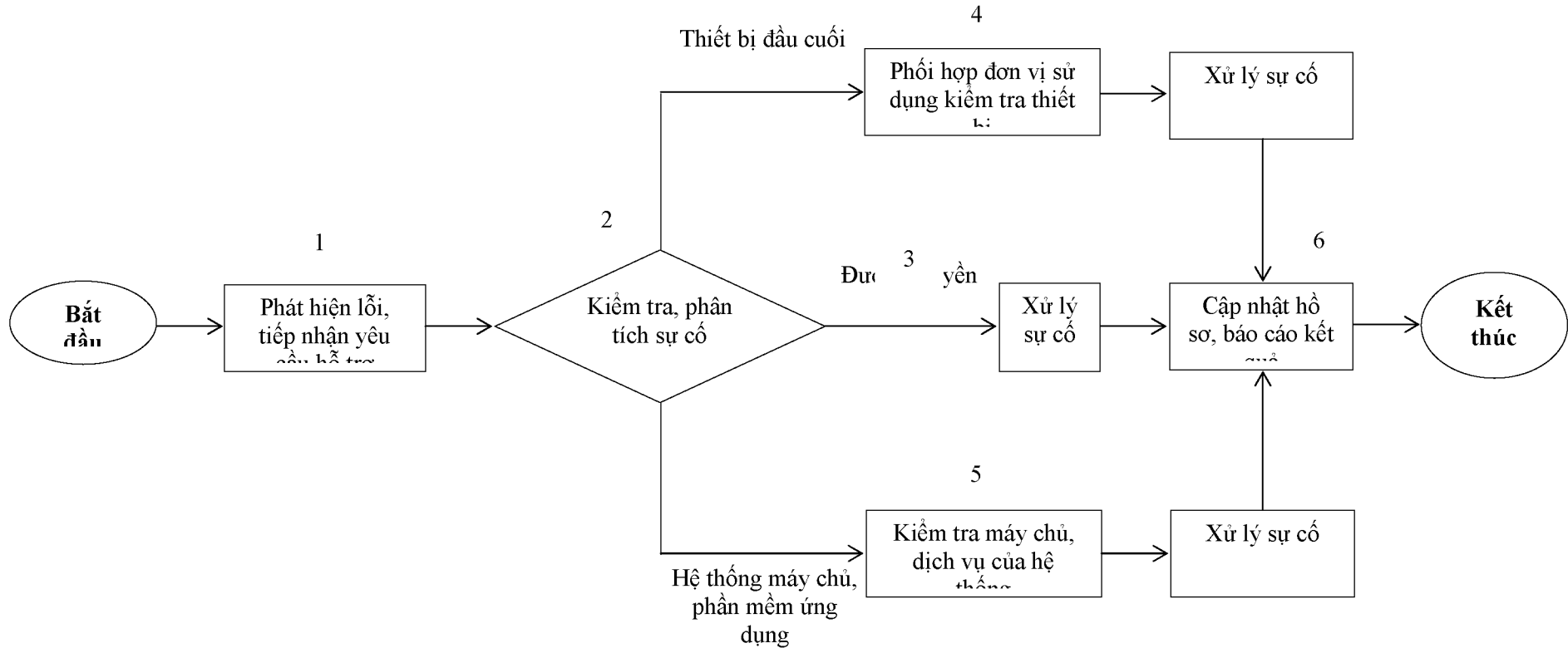
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Quy trình phối hợp tiếp nhận và xử lý sự cố hệ thống tổng đài liên thông 113 - 114 - 115

I. Quy trình xử lý sự cố nhỏ:

1. Định nghĩa: Sự cố nhỏ là sự cố không làm gián đoạn hoạt động của các Trung tâm 113, 114, 115 hoặc gián đoạn hoạt động của các trạm vệ tinh, và có thời gian xử lý dự kiến ≤ 45 phút.

2. Lưu đồ quy trình



3. Diễn giải quy trình

Mã bước	Chi tiết công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian xử lý	Hình thức trao đổi thông tin
1	Chủ động phát hiện lỗi qua hệ thống giám sát, qua các dấu hiệu bất thường của hệ thống tổng đài liên thông trang bị tại đơn vị hoặc Tiếp nhận yêu cầu hỗ trợ từ đơn vị sử dụng qua đầu số điện thoại: 028 38665454 .	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan sử dụng	Ngay lập tức	Điện thoại
2	Kiểm tra, phân tích sự cố. Điều phối quá trình xử lý sự cố. Cập nhật thông tin xử lý sự cố.	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan quản lý Cơ quan vận hành Cơ quan sử dụng	15 phút	Điện thoại
3	Phối hợp đơn vị sử dụng kiểm tra nguồn điện, đầu cắm dây mạng, xử lý sự cố lỗi đường truyền trong thời gian trong 30 phút.	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan vận hành Cơ quan sử dụng	30 phút	Điện thoại
4	Phối hợp đơn vị sử dụng kiểm tra đèn tín hiệu của thiết bị chuyển đổi quang (converter), bộ chuyển mạch (Switch ATA), thiết bị điện thoại IP (IP phone), thiết bị lưu điện (UPS), mạng nội bộ (LAN) xử lý lỗi thiết bị đầu cuối, trong 15 phút.	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan vận hành Cơ quan sử dụng	30 phút	Điện thoại
5	Kiểm tra cấu hình trên hệ thống Server của trạm vệ tinh mất liên lạc	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan vận hành Cơ quan sử dụng	30 phút	Tại hiện trường

6	Kiểm tra lại các dịch vụ trên hệ thống Cập nhật vào bản báo cáo tháng Cập nhật hồ sơ lưu trữ	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan quản lý Cơ quan vận hành Cơ quan sử dụng	15 phút	Điện thoại Văn bản Email
----------	--	-------------------------	--	---------	--------------------------------

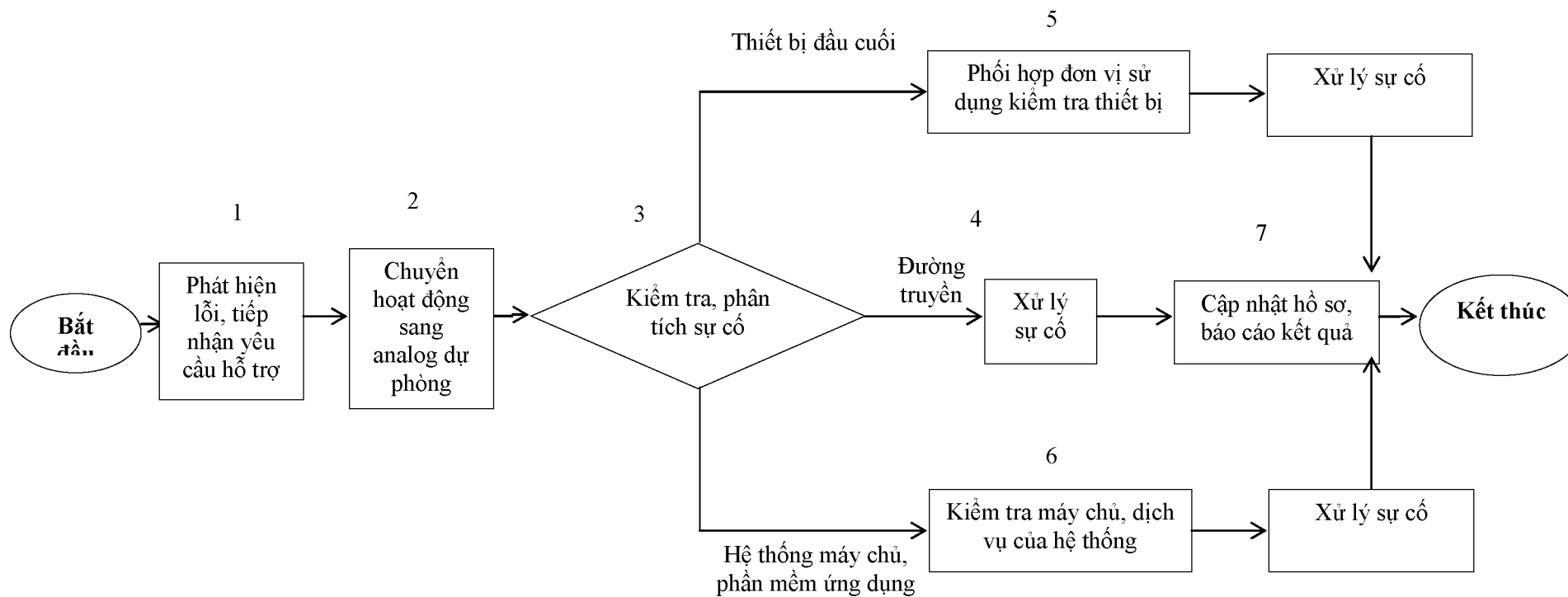
II. Quy trình xử lý sự cố nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng:

1. Định nghĩa:

Sự cố nghiêm trọng: là sự cố xảy ra làm gián đoạn hoạt động của các trạm vệ tinh với thời gian xử lý dự kiến > 45 phút, hoặc làm gián đoạn hoạt động của một trong các Trung tâm 113, 114, 115 với thời gian xử lý dự kiến ≤ 150 phút.

Sự cố đặc biệt nghiêm trọng: là sự cố xảy ra làm gián đoạn hoạt động của một trong các Trung tâm 113, 114, 115 với thời gian xử lý dự kiến > 150 phút, hoặc sự cố làm gián đoạn hoạt động từ hai trong các Trung tâm 113, 114, 115, hoặc các sự cố liên quan có dấu hiệu tấn công an ninh mạng.

2. Lưu đồ quy trình



3. Diễn giải quy trình

Mã bước	Chi tiết công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian xử lý	Hình thức trao đổi thông tin
1	Chủ động phát hiện lỗi qua hệ thống giám sát, qua các dấu hiệu bất thường của hệ thống tổng đài liên thông trang bị tại đơn vị hoặc Tiếp nhận yêu cầu hỗ trợ từ đơn vị sử dụng qua đầu số điện thoại: 028 38665454 .	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan sử dụng	Ngay lập tức	Điện thoại
2	Nếu gián đoạn hoạt động ít nhất 1 trung tâm 113, 114, 115 lập tức chuyển cuộc gọi vào trung tâm xảy ra sự cố sang analog dự phòng. Gọi điện kiểm tra cuộc gọi sang analog dự phòng và thông báo cho trực ban và người chịu trách nhiệm chính của nơi xảy ra sự cố Thông báo cho trực ban các trung tâm còn lại không chuyển cuộc liên thông sang trung tâm đang bị sự cố	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan sử dụng	15 phút	Điện thoại
3	Thực hiện đồng thời với bước 2. Kiểm tra, phân tích sự cố. Điều phối quá trình xử lý sự cố. Cập nhật thông tin sự cố vào mẫu “báo cáo nhanh sự cố” gửi cho cơ quan vận hành và cơ quan quản lý	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan quản lý Cơ quan vận hành Cơ quan sử dụng	30 phút	Điện thoại (cơ quan vận hành) Nhắn tin OTT
4	Phối hợp đơn vị sử dụng kiểm tra nguồn điện, đầu cắm dây mạng, xử lý sự cố lỗi đường truyền trong thời gian trong 30 phút.	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan vận hành Cơ quan sử	30 - 120 phút	Điện thoại

	Trong trường hợp lỗi vật lý đường truyền cáp quang, xử lý sự cố trong thời gian 120 phút.		dụng		
5	<p>Phối hợp đơn vị sử dụng kiểm tra đèn tín hiệu của thiết bị chuyên đổi quang (converter), bộ chuyên mạch (Switch, ATA), thiết bị điện thoại IP (IP phone), thiết bị lưu điện (UPS), mạng nội bộ (LAN), xử lý lỗi thiết bị đầu cuối, trong 30 phút.</p> <p>Trong trường hợp lỗi vật lý thiết bị, xử lý sự cố trong thời gian trong 120 phút.</p>	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan vận hành Cơ quan sử dụng	30 - 120 phút	Điện thoại
6	<p>Kiểm tra hệ thống máy chủ, phần mềm ứng dụng</p> <p>Kiểm tra và xử lý phần cứng máy chủ: CPU, RAM, HDD ...</p> <p>Kiểm tra và xử lý các kết nối giữa các hệ thống (bên ngoài, bên trong hệ thống).</p> <p>Kiểm tra và xử lý các dịch vụ hệ thống (sipproxy, freeswitch, pbx-controller, pbx-crm, ProxySql, Database (mysql), nodejs, nfs, zabbix,)</p> <p>Kiểm tra và xóa các tập tin, thư mục không cần thiết trong thư mục tâm.</p>	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan vận hành Cơ quan sử dụng	30 - 120 phút	Tại hiện trường
7	<p>Kiểm tra lại các dịch vụ trên hệ thống.</p> <p>Cập nhật vào bản báo cáo tháng.</p> <p>Cập nhật thông tin sự cố vào mẫu “Báo cáo nguyên nhân, xử lý sự cố” gửi cho cơ quan vận hành bằng văn bản.</p> <p>Cập nhật hồ sơ lưu trữ.</p>	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan quản lý Cơ quan vận hành Cơ quan sử dụng	30 phút	Điện thoại Văn bản

III. Các lỗi sự cố thông thường và biện pháp xử lý

1. Đường truyền

STT	Các lỗi thường gặp	Quá trình xử lý lỗi	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian xử lý	Hình thức trao đổi thông tin
Các điểm có dự phòng về đường truyền: IDC; Trung tâm 113, 114, 115						
1	Hệ thống vẫn tiếp nhận cuộc gọi bình thường	Phát hiện cảnh báo mất kết nối 01 đường truyền. 1. Đăng nhập vào thiết bị kiểm tra cấu hình và khởi động lại port tương ứng. 2. Liên hệ Trung tâm viễn thông kiểm tra lại cáp quang.	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan vận hành	30-120 phút	Qua điện thoại, phiếu công tác
2	Tại 01 Trung tâm bất kì không nhận được cuộc gọi	Phát hiện cảnh báo mất kết nối cả 02 đường truyền. 1. Đăng nhập vào thiết bị kiểm tra cấu hình và trạng thái tín hiệu của các cổng trên thiết bị. 2. Liên hệ tới đơn vị sử dụng kiểm tra đường truyền quang, tín hiệu đèn trên thiết bị định tuyến. 3. Liên hệ Trung tâm viễn thông kiểm tra đường	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan vận hành	30-120 phút	Qua điện thoại, phiếu công tác

		truyền quang. 4.Đối với Trung tâm 113: Liên hệ Công an thành phố phối hợp kiểm tra hệ thống sau khi kiểm tra đường truyền thấy tốt.				
3	Tất cả các đơn vị đều không nhận được cuộc gọi	Mất kết nối 02 đường SIP TRUNK tới hệ thống máy chủ hoặc 02 đường SIP TRUNK kết nối tới các Trung tâm 113, 114, 115, mất kết nối đường truyền Metronet tới hệ thống máy chủ. 1.Đăng nhập vào thiết bị kiểm tra cấu hình và trạng thái tín hiệu của các cổng trên thiết bị. 2.Liên hệ với đơn vị quản lý phối hợp kiểm tra cấu hình 3.Liên hệ Trung tâm viễn thông kiểm tra đường truyền quang.	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan vận hành	30-120 phút	Qua điện thoại, phiếu công tác
Các trạm vệ tinh						
1	Đơn vị không thực hiện được cuộc gọi hoặc không nhận được cuộc	Phát hiện cảnh báo mất kết nối đường truyền. 1.Đăng nhập vào thiết bị	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan vận hành Cơ quan	30-120 phút	Qua điện thoại, phiếu công tác

	gọi. IP Phone không hiển thị tín hiệu đã kết nối (không hiển thị số nội bộ)	kiểm tra cấu hình và trạng thái tín hiệu của các cổng trên thiết bị. 2.Liên hệ tới đơn vị sử dụng kiểm tra dây quang, tín hiệu đèn trên thiết bị chuyển đổi quang (converter). 3.Liên hệ Trung tâm viễn thông kiểm tra đường truyền quang.		sử dụng		
--	--	--	--	---------	--	--

STT	Các lỗi thường gặp	Quá trình xử lý lỗi	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian xử lý	Hình thức trao đổi thông tin
Tại đơn vị sử dụng không nhận được cuộc gọi hay thực hiện được cuộc gọi						
1	Tất cả các IP Phone không hiển thị tín hiệu kết nối (không hiển thị số nội bộ)	Phát hiện cảnh báo trên hệ thống giám sát cảnh báo các IP Phone không kết nối. Liên hệ đơn vị sử dụng 1.Kiểm tra dây mạng và nguồn các điện thoại IP Phone. 2.Kiểm tra nguồn của bộ chuyển mạch 3.Kiểm tra dây mạng nối từ bộ chuyển đổi quang (converter) tới thiết bị định tuyến.	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan vận hành Cơ quan sử dụng	30-120 phút	Qua điện thoại, phiếu công tác

		<p>4.Kết nối vào điện thoại IP Phone kiểm tra cấu hình user/password</p> <p>5.Trong trường hợp không xử lý kết nối. Trung tâm viễn thông xử lý trực tiếp tại hiện trường.</p>				
Tại đơn vị sử dụng vẫn nhận được cuộc gọi						
1	01 IP Phone không đăng ký	<p>Phát hiện cảnh báo trên hệ thống giám sát cảnh báo các IP Phone không kết nối.</p> <p>Liên hệ đơn vị thụ hưởng</p> <p>1.Kiểm tra dây mạng và nguồn các điện thoại IP Phone.</p> <p>2.Kết nối vào điện thoại IP Phone kiểm tra cấu hình user/password.</p> <p>3.Trong trường hợp không xử lý kết nối. Trung tâm viễn thông xử lý trực tiếp tại hiện trường.</p>	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan vận hành Cơ quan sử dụng	30-120 phút	Qua điện thoại, phiếu công tác
2	Tại Trung tâm 114 không nhận được cuộc gọi qua hệ thống đài FREQUENTIS	<p>Kiểm tra thiết bị chuyên đổi tín hiệu (ATA)</p> <p>1. Trường hợp ATA không đăng ký</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết nối vào ATA kiểm tra cấu hình. - Liên hệ đơn vị sử dụng kiểm 	Đơn vị cung cấp dịch vụ	Cơ quan vận hành Cơ quan sử dụng	30-120 phút	Qua điện thoại, phiếu công tác

		<p>tra nguồn, dây cảm mạng của thiết bị ATA.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nếu không xử lý kết nối. Trung tâm viễn thông xử lý trực tiếp tại hiện trường. <p>2. Trường hợp ATA đăng ký bình thường:</p> <ul style="list-style-type: none">- Liên hệ đơn vị sử dụng kiểm tra kết nối tín hiệu từ ATA vào thiết bị tổng đài FREQUENTIS.- Nếu không xử lý kết nối. Trung tâm viễn thông xử lý trực tiếp tại hiện trường.				
--	--	---	--	--	--	--

2. Thiết bị đầu cuối

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Các biểu mẫu báo cáo**MẪU 1: BÁO CÁO SỰ CỐ ĐỘT XUẤT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO NHANH SỰ CỐ

Số:

I. Thông tin chung

1. Họ tên người báo cáo:
2. Đơn vị:
3. Thời điểm báo cáo:

II. Nội dung

1. Tên sự cố:
2. Thời gian phát hiện sự cố:
3. Mô tả sự cố:
4. Nguyên nhân sự cố (nếu phát hiện được):
5. Tình trạng hiện tại:
6. Thời gian dự kiến xử lý sự cố:

Người báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên và chức vụ)

MẪU 2: BÁO CÁO NGUYÊN NHÂN, XỬ LÝ SỰ CỐ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO NGUYÊN NHÂN, XỬ LÝ SỰ CỐ

Số:

I. Thông tin chung

1. Họ tên người báo cáo:
2. Đơn vị:
3. Thời điểm báo cáo:

II. Nội dung

1. Tên sự cố:
2. Thời phát hiện sự cố:
3. Phạm vi ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống:
4. Mô tả chi tiết sự cố:
5. Nguyên nhân sự cố:
6. Biện pháp khắc phục:
7. Tình trạng hiện tại:
8. Thời điểm kết thúc sự cố:
9. Kiến nghị - đề xuất:

Đại diện đơn vị cung cấp dịch vụ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

MẪU 3: BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH TRẠNG VẬN HÀNH HỆ THỐNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm ...***BÁO CÁO TÌNH TRẠNG VẬN HÀNH HỆ THỐNG****I. Thông tin chung**

1. Nơi nhận báo cáo:
2. Tên hệ thống:
3. Thời gian báo cáo: Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...

II. Nội dung**1. Hiện trạng****a. Điểm kết nối**

STT	Tên đơn vị	Số lượng
1		
...		
Tổng cộng		

b. Bảng thông đường truyền

STT	Bảng thông	Số lượng
1		
...		
Tổng cộng		

2. Công tác vận hành**a. Tình hình biến động điểm kết nối**

- Cấp mới

STT	Tên đơn vị	Địa điểm lắp đặt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
-----	------------	------------------	---------------------	---------

1				
...				

- Di dời

STT	Tên đơn vị	Địa điểm hiện tại	Địa điểm di dời	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1					
...					

- Thu hồi

STT	Tên đơn vị	Địa điểm thu hồi	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1				
...				

b. Tình hình xử lý sự cố

STT	Tên đơn vị	Mô tả sự cố	Thời gian xảy ra sự cố	Thời gian khắc phục sự cố
1				
...				

c. Thống kê cuộc gọi

Hệ thống phát sinh cuộc gọi, trong đó:

+ Cuộc gọi đến: cuộc gọi.

+ Cuộc gọi đi: cuộc gọi.

+ Cuộc gọi nội bộ: cuộc gọi.

+ Cuộc gọi liên thông: cuộc gọi.

Chi tiết cuộc gọi

Tháng	Cuộc gọi đến	Cuộc gọi đi	Cuộc gọi nội bộ	Cuộc gọi liên thông
Lực lượng 113				
1				
...				
Tổng cộng				
Lực lượng 114				
1				
...				
Tổng cộng				
Lực lượng 115				
1				
...				

Tháng	Cuộc gọi đến	Cuộc gọi đi	Cuộc gọi nội bộ	Cuộc gọi liên thông
Tổng cộng				

3. Nội dung triển khai nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ:

4. Kiến nghị - đề xuất:

Đại diện đơn vị cung cấp dịch vụ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4020/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố Danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng,
điện, hóa chất, lưu thông hàng hóa trong nước
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 5276 ngày 17 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 43 thủ tục hành chính các lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng, điện, hóa chất, lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương gồm 39 thủ tục hành chính sửa đổi và 04 thủ tục hành chính bãi bỏ.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục có số thứ tự: A.II.1 tại Quyết định số 5595/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục có số thứ tự: A.1.I.1, A.1.I.2, A.1.I.3, A.1.I.4, A.1.II.1, A.1.II.7, A.1.II.10, A.2.I.1, A.2.I.2, A.2.I.3, B.1.I.1, B.1.I.2, B.1.II.1, B.1.II.2, B.1.II.3, B.1.II.4, B.1.III.4, B.2.I.1, B.2.I.2, C.1.I.1, C.1.I.2, C.1.I.3, C.1.I.4, C.1.I.5, C.1.I.6, C.1.I.7, C.1.III.1, C.1.III.2, C.1.III.3, C.1.III.4, C.1.III.5, C.1.III.6, C.1.IV.7, C.1.IV.8, C.1.IV.9, C.1.IV.10, C.1.IV.11, C.2.I.1, C.2.I.2, C.2.II.1, C.2.II.2, C.2.II.3, C.2.II.4, C.2.II.5 tại Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG, ĐIỆN, HÓA CHẤT, LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

A. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

A.1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
I	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (09 TTHC)					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	- Trường hợp cấp lại do hết hiệu lực: 10 ngày làm việc; - Trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ			Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá hết hiệu lực: 10 ngày làm việc (Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới); - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
		hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 15 ngày làm việc			Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.	bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 15 ngày làm việc.
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc			Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	
4	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Phí thẩm định hồ sơ đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Phí thẩm định hồ sơ đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
5	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	- Trường hợp cấp lại do hết hiệu lực: 10 ngày làm việc; - Trường			Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá;	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Phí thẩm định hồ sơ đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
		hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 15 ngày làm việc			<p>Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.</p> <p>Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p>	<p>Thời hạn giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp lại do Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá hết hiệu lực: 10 ngày làm việc (Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới); - Trường hợp cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 15 ngày làm việc.
6	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc				<p>Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định hồ sơ đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
7	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương	Phí thẩm định (theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC): 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ
8	Cấp lại Giấy	- Trường	Võ Thị			Phí thẩm định (theo

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
	phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	hợp cấp lại do hết hiệu lực: 15 ngày làm việc; - Trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 07 ngày làm việc	Sáu, Quận 3)		Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia. Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	Thông tư số 299/2016/TT-BTC): 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ Thời hạn giải quyết: - Trường hợp cấp lại do Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) hết hiệu lực: 15 ngày làm việc (Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới); - Trường hợp cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 07 ngày làm việc.
9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc				Phí thẩm định (theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC): 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ
II	Lĩnh vực Điện (06 TTHC)					
1	Thủ tục cấp	15 ngày	Sở Công	Phí thẩm	Thông tư số 21/2020/TT-	Cơ quan thực hiện thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
	Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	làm việc	Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	định: 800.000 đồng	BCT ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Bộ Công Thương quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực; Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 4712/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ủy quyền cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	hành chính: Sở Công Thương TP.HCM. Phí thẩm định (theo Thông tư số 106/2020/TT-BTC): 800.000 đồng
2	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	07 ngày làm việc		Phí thẩm định: 400.000 đồng	Quyết định số 2600/QĐ-BCT ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.	Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương TP.HCM. Phí thẩm định (theo Thông tư số 106/2020/TT-BTC): 400.000 đồng
3	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương	15 ngày làm việc		Phí thẩm định: 2.100.000 đồng		Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương TP.HCM. Phí thẩm định (theo Thông tư số 106/2020/TT-BTC): 2.100.000 đồng
4	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt	07 ngày làm việc		Phí thẩm định: 1.050.000		Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương TP.HCM.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
	động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương			đồng		Phí thẩm định (theo Thông tư số 106/2020/TT-BTC): 1.050.000 đồng
5	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0.4kV tại địa phương	15 ngày làm việc		Phí thẩm định: 700.000 đồng		Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương TP.HCM. Phí thẩm định (theo Thông tư số 106/2020/TT-BTC): 700.000 đồng
6	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0.4kV tại địa phương	07 ngày làm việc		Phí thẩm định: 350.000 đồng		Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương TP.HCM. Phí thẩm định (theo Thông tư số 106/2020/TT-BTC): 350.000 đồng
7	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương	15 ngày làm việc		Phí thẩm định: 800.000 đồng.		Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Công Thương TP.HCM. Phí thẩm định (theo Thông tư số 106/2020/TT-BTC): 800.000 đồng.
8	Thủ tục cấp sửa	07 ngày		Phí thẩm		Cơ quan thực hiện thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
	đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35kV tại địa phương	làm việc		định: 400.000 đồng.		hành chính: Sở Công Thương TP.HCM. Phí thẩm định (theo Thông tư số 106/2020/TT-BTC): 400.000 đồng.
III Lĩnh vực Hóa chất (06 TTHC)						
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Phí thẩm định: 1.200.000 đ/Giấy chứng nhận	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	Phí thẩm định (theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC): 1.200.000đ/Giấy chứng nhận
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều	05 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường	Phí thẩm định: 600.000đ/ Giấy chứng nhận	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý	Phí thẩm định (theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC): 600.000đ/Giấy chứng nhận

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
	kiện trong lĩnh vực công nghiệp		Võ Thị Sáu, Quận 3)		nhà nước của Bộ Công Thương. Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Phí thẩm định: 600.000đ/ Giấy chứng nhận	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	Phí thẩm định (theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC): 600.000đ/Giấy chứng nhận
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất	12 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai	Phí thẩm định: 1.200.000 đ/Giấy	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên	Phí thẩm định (theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC): 1.200.000đ/Giấy chứng nhận

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
	sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp		Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	chứng nhận	quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Phí thẩm định: 600.000đ/ Giấy chứng nhận	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	Phí thẩm định (theo Thông tư số 08/2018/TT-BTC): 600.000đ/Giấy chứng nhận
6	Cấp điều chỉnh Giấy chứng	12 ngày làm việc	Sở Công Thương	Phí thẩm định:	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính	Phí thẩm định (theo Thông tư số 08/2018/TT-

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
	nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp		(địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	600.000đ/ Giấy chứng nhận	phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	BTC): 600.000đ/Giấy chứng nhận
IV	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (09 TTHC)					
1	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng,	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/điểm kinh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Phí thẩm định hồ sơ đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp:

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
2	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	doanh/lần thẩm định.	doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.	1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
3	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc			Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	
4	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ:	Phí thẩm định: 1.200.000	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Phí thẩm định hồ sơ đổi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
	tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		163 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
5	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Trường hợp cấp lại do hết hiệu lực: 15 ngày làm việc; - Trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 07 ngày làm việc				Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Phí thẩm định hồ sơ đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. Thời hạn giải quyết: - Trường hợp cấp lại do Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hết hiệu lực: 15 ngày làm việc (Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới); - Trường hợp cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 07 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
						làm việc.
6	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc				Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Phí thẩm định hồ sơ đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	15 ngày làm việc	Sở Công Thương (địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.
8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	15 ngày làm việc				
9	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	15 ngày làm việc				

A.2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
I Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng (03 TTHC)							
1		Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, các quận/huyện;	Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh, cá nhân: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia	<i>Trình tự thực hiện:</i> nộp hồ sơ qua Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; các quận/huyện. <i>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</i> Phòng Kinh tế <i>Phí thẩm định</i> (theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC): Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh, cá nhân: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ
2		Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	- Trường hợp cấp lại do hết hiệu lực: 10 ngày làm việc; - Trường hợp cấp lại				<i>Trình tự thực hiện:</i> nộp hồ sơ qua Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; các quận/huyện. <i>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</i> Phòng

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
			do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 07 ngày làm việc				<p>Kinh tế</p> <p>Phí thẩm định (theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC): Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh, cá nhân: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ</p> <p>Thời hạn giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp lại do Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh hết hiệu lực: 10 ngày làm việc (Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới); - Trường hợp cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 07 ngày làm việc.
3		Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu	07 ngày làm việc				Trình tự thực hiện: nộp hồ sơ qua Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
		thủ công nhằm mục đích kinh doanh					tục hành chính Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; các quận/huyện. <i>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</i> Phòng Kinh tế <i>Phí thẩm định</i> (theo Thông tư số 299/2016/TT-BTC): Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh, cá nhân: 1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ
II Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (06 TTHC)							
1		Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, các quận/huyện;	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân:	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục	<i>Trình tự thực hiện:</i> nộp hồ sơ qua Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; các quận/huyện. <i>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</i> Phòng Kinh tế <i>Phí thẩm định</i> (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp:

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
					400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.
2		Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc				<p>Trình tự thực hiện: nộp hồ sơ qua Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; các quận/huyện.</p> <p>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế</p> <p>Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC):</p> <p>- Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>- Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.</p> <p>Ghi chú: Việc thu phí chỉ</p>

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
							thực hiện đối với các trường hợp thay đổi địa điểm hoặc điều kiện kinh doanh, không thu phí đối với trường hợp sửa đổi tên thương nhân.
3		Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp lại do hết hiệu lực: 10 ngày làm việc; - Trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 07 ngày làm việc 	Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, các quận/huyện;	Không		<p>Trình tự thực hiện: nộp hồ sơ qua Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; các quận/huyện.</p> <p>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế</p> <p>Thời hạn giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp lại do Giấy phép bán lẻ rượu hết hiệu lực: 10 ngày làm việc (Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới); - Trường hợp cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 07 ngày

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
							làm việc.
4		Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, các quận/huyện;	Phí thẩm định: - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02	làm việc. Trình tự thực hiện: nộp hồ sơ qua Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; các quận/huyện. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Kinh tế Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC): - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định.
5		Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc				làm việc. Trình tự thực hiện: nộp hồ sơ qua Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; các quận/huyện. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi	Ghi chú
						năm 2020 của Bộ Công Thương về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.	<p>Kinh tế</p> <p>Phí thẩm định (Thông tư số 168/2016/TT-BTC):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, doanh nghiệp: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. - Hộ kinh doanh, cá nhân: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định. <p>Ghi chú: Việc thu phí chỉ thực hiện đối với các trường hợp thay đổi địa điểm hoặc điều kiện kinh doanh, không thu phí đối với trường hợp sửa đổi tên thương nhân.</p>
6		Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, các quận/ huyện;	Không		<p><i>Trình tự thực hiện:</i> nộp hồ sơ qua Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức; các quận/huyện.</p> <p><i>Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</i> Phòng Kinh tế</p>

B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ**B.1. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương**

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Hóa chất (01 TTHC)		
1		Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm	Bỏ do không được quy định tại Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

B.2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
II	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa (03 TTHC)		
1		Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Căn cứ Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; theo đó đã bãi bỏ điều 24 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu (Khoản 10, Điều 17, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)
2		Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
3		Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4090/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực tài nguyên nước, lĩnh vực khoáng sản, lĩnh vực đo đạc bản đồ
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 7163/TTr-STNMT-VP ngày 04 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước, khoáng sản, đo đạc bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường gồm 02 thủ tục hành chính mới, 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn

phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ
<http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho:

Thủ tục hành chính có thứ tự B.I.1 ban hành kèm Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố công bố thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thủ tục hành chính có thứ tự I.7 ban hành kèm Quyết định số 4052/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC, KHOÁNG SẢN, ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4090/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Thành phố Thủ Đức

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực tài nguyên nước						
1	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt và trả kết quả giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 	<p>1. Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1) đối với các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw. - Khai thác nước mặt để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp, bao gồm cả nước làm mát máy, thiết bị, tạo hơi với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm. 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. 	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Nộp hồ sơ: <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày công trình bắt đầu vận hành, chủ giấy phép phải nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>Chủ giấy phép nộp 02 bộ hồ sơ tính</p>

			<p>- Khai thác nước dưới đất để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp, bao gồm cả nước làm mát máy, thiết bị, tạo hơi với lưu lượng từ 20 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm.</p> <p>- Khai thác nước dưới đất (trừ nước lợ, nước mặn) để nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, tưới cà phê, cao su, điều, chè, hồ tiêu và cây công nghiệp dài ngày khác với quy mô từ 20 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm.</p> <p>2. Tại Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối với trường hợp khai thác nước dưới đất để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp, bao gồm cả nước làm mát máy,</p>		<p>- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 706/QĐ-BTNMT ngày 15/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính</p>	<p>tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước tới Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.</p> <p>- Bước 2: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ + Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức trả lại hồ sơ kèm theo văn bản giải thích rõ lý do.</p>
--	--	--	--	--	---	---

			<p>thiết bị, tạo hơi với lưu lượng dưới 20 m³/ngày đêm, trừ các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải đăng ký, không phải xin phép.</p>	<p>được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực tài nguyên nước.</p>	<p>+ Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền, nếu cần thiết thì thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Kinh phí chi cho hoạt động thẩm định được lấy từ nguồn thu phí thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước.</p> <p>Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện</p>
--	--	--	---	--	---

					<p>thì Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức trả lại hồ sơ cho chủ giấy phép và thông báo rõ lý do; trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện thì Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>Trường hợp công trình đã được phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài</p>
--	--	--	--	--	---

					<p>nguyên nước mà chỉ có sự thay đổi tên chủ giấy phép (cấp lại) và không có sự thay đổi các căn cứ tính tiền cấp quyền theo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền đã phê duyệt trước đó thì không phải điều chỉnh lại Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền. Trong nội dung giấy phép cấp lại phải quy định rõ việc chủ giấy phép mới phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính, trong đó có tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền trước đó.</p> <p>- Bước 3: Phê duyệt tiền cấp</p>
--	--	--	--	--	--

					<p>quyền khai thác tài nguyên nước</p> <p>Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Bước 4: Trả kết quả</p> <p>Sau khi ban hành quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế Thành phố kèm theo quyết định</p>
--	--	--	--	--	--

					<p>phê duyệt tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>2. Điều chỉnh cách thức thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Nộp hồ sơ</i>: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính tới Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.- <i>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính</i>: Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế Thành phố kèm theo quyết định phê duyệt tiên cấp quyền khai thác tài
--	--	--	--	--	---

						nguyên nước.
2	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 10 ngày làm việc (nằm trong thời hạn kiểm tra hồ sơ cấp giấy phép về tài nguyên nước).</p> <p>- Thời hạn thẩm định, phê duyệt hồ sơ và trả kết quả: trong thời hạn 30 ngày làm việc (nằm trong thời hạn thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời hạn thông báo kết quả phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: Trong thời hạn</p>	<p>1. Tại Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp:</p> <p>- Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw.</p> <p>- Khai thác nước mặt để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp, bao gồm cả nước làm mát máy, thiết bị, tạo hơi với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm.</p> <p>- Khai thác nước dưới đất để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp, bao gồm cả nước làm mát máy, thiết bị, tạo hơi với lưu lượng từ 20 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm.</p> <p>- Khai thác nước dưới đất (trừ nước lợ, nước mặn) để nuôi trồng thủy</p>	Không	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2012.</p> <p>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài</p>	<p>1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau:</p> <p>- Bước 1: Nộp hồ sơ</p> <p>Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đồng thời với việc nộp hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước tới Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.</p> <p>- Bước 2: Kiểm tra, thẩm định hồ sơ</p> <p>Việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được</p>

		<p>05 ngày làm việc.</p>	<p>sản, chăn nuôi gia súc, tưới cà phê, cao su, điều, chè, hồ tiêu và cây công nghiệp dài ngày khác với quy mô từ 20 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm.</p> <p>* Địa chỉ: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1.</p> <p>2. Tại Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối với trường hợp khai thác nước dưới đất để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp, bao gồm cả nước làm mát máy, thiết bị, tạo hơi với lưu lượng dưới 20 m³/ngày đêm, trừ các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải đăng ký, không phải xin phép.</p> <p>* Địa chỉ: Bộ phận Tiếp</p>	<p>nguyên nước.</p> <p>- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 706/QĐ-BTNMT ngày 15/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về</p>	<p>thực hiện đồng thời với việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước.</p> <p>- Bước 3: Phê duyệt tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, đồng thời phê duyệt tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Bước 4: Trả kết quả Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận,</p>
--	--	--------------------------	---	---	--

			nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.	ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực tài nguyên nước.	<p>huyện, thành phố Thủ Đức gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế Thành phố kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>2. Điều chỉnh cách thức thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nộp hồ sơ</i>: nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính tới Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức. - <i>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính</i>: Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức gửi thông
--	--	--	---	---	--

						<p>báo cho chủ giấy phép và Cục thuế Thành phố kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
--	--	--	--	--	--	--

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	Lĩnh vực tài nguyên nước					
1	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ thì cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện; thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và thời gian lấy ý kiến xác nhận về thời gian công trình ngừng khai thác không	1. Tại Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp: - Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw. - Khai thác nước mặt để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp, bao gồm cả nước làm mát máy, thiết bị, tạo	Không	- Luật Tài nguyên nước năm 2012. - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước. - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị định số	1. Điều chỉnh trình tự thực hiện như sau: - Bước 1: Nộp hồ sơ: + Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 41/2021/NĐ-CP): chủ giấy phép nộp bản kê khai tính tiền cấp quyền đồng thời với việc nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép về tài nguyên nước đến Sở

		<p>tính vào thời gian thẩm định hồ sơ).</p> <p>hơi với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm.</p> <p>- Khai thác nước dưới đất để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp, bao gồm cả nước làm mát máy, thiết bị, tạo hơi với lưu lượng từ 20 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm.</p> <p>- Khai thác nước dưới đất (trừ nước lợ, nước mặn) để nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, tưới cà phê,</p>		<p>41/2021/NĐ-CP ngày 30/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/7/2017 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 706/QĐ-BTNMT ngày 15/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi</p>	<p>Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.</p> <p>+ Đối với các trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 41/2017/NĐ-CP): chủ giấy phép gửi văn bản đề nghị điều chỉnh kèm theo các tài liệu để chứng minh đến Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.</p> <p>- Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước</p> <p>+ Đối với bản kê khai tính tiền cấp quyền: việc tiếp</p>
--	--	---	--	---	--

		<p>cao su, điều, chè, hồ tiêu và cây công nghiệp dài ngày khác với quy mô từ 20 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm.</p> <p>* Địa chỉ: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1.</p> <p>2. Tại Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức đối với trường hợp khai thác nước dưới đất để phục vụ hoạt động kinh doanh, dịch vụ,</p>	<p>trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>-Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực tài nguyên nước.</p>	<p>nhận, thẩm định hồ sơ được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép về tài nguyên nước.</p> <p>+ Đối với văn bản đề nghị điều chỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định hồ sơ.</p> <p>Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 41/2017/NĐ-CP): Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến xác nhận của Phòng Tài nguyên và Môi trường</p>
--	--	---	--	---

			<p>sản xuất phi nông nghiệp, bao gồm cả nước làm mát máy, thiết bị, tạo hơi với lưu lượng dưới 20 m³/ngày đêm, trừ các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải đăng ký, không phải xin phép.</p> <p>* Địa chỉ: Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.</p>			<p>nơi đặt công trình khai thác (đối với công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Sở Tài nguyên và Môi trường) về thời gian công trình phải ngừng khai thác.</p> <p>- Bước 3: Phê duyệt quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Bước 4: Trả kết quả</p> <p>Được thực hiện đồng thời với việc trả giấy phép điều chỉnh.</p> <p>2. Điều chỉnh cách thức thực hiện như sau:</p> <p>- <i>Nộp hồ sơ</i>: nộp hồ sơ</p>
--	--	--	---	--	--	---

					<p>trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.</p> <p>- <i>Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</i> Sở Tài nguyên và Môi trường, gửi thông báo Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức kèm theo quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho chủ giấy phép và Cục thuế Thành phố.</p> <p>3. Thành phần hồ sơ (<i>theo khoản 6 điều 1 NĐ 41/2021/NĐ-CP</i>)</p> <p>- Trường hợp có sự điều chỉnh nội dung của giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước mà dẫn đến sự thay đổi về căn cứ tính tiền cấp quyền khai thác</p>
--	--	--	--	--	---

					<p>theo quy định hoặc dẫn đến có sự thay đổi về nội dung phê duyệt tiên cấp quyền khai thác trước đó:</p> <p>Bản kê khai tính tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước</p> <p>- Trường hợp có sự điều chỉnh về điện lượng trung bình hàng năm (E_0) so với hồ sơ thiết kế của công trình thủy điện và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản; Công trình bị hư hỏng do sự kiện bất khả kháng không thể tiếp tục khai thác được hoặc phải ngừng khai thác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:</p> <p>Văn bản đề nghị điều chỉnh kèm theo các tài liệu để chứng minh.</p> <p>4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
--	--	--	--	--	--

C. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực đo đạc bản đồ		
1	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ	Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đo đạc và bản đồ. (Do đã được thay thế)
II. Lĩnh vực khoáng sản		
1	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoan định và công bố	Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4112/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, 06 háng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực công chứng,
lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3996/TTr-STP-VP ngày 02 tháng 11 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 28 thủ tục hành chính lĩnh vực công chứng và lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp gồm 04 thủ tục hành chính ban hành mới; 17 thủ tục hành chính sửa đổi; 02 thủ tục hành chính thay thế và 05 thủ tục hành chính bãi bỏ (trong đó có 02 thủ tục hành chính bãi bỏ do được thay thế).

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn

phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố thủ tục hành chính/danh mục thủ tục hành chính tại các Quyết định sau:

- Các thủ tục A.X.3, A.X.4, A.X.6, A.X.8, A.X.9, A.X.10, A.X.12 được ban hành kèm theo Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các thủ tục A2.IV.1, A2.IV.2, A2.IV.3, A3.II.1, A3.II.2, A3.II.3, A3.II.4, A3.II.5, A3.II.6, A3.II.7, A3.II.8, A3.II.9, A3.II.10, A3.II.11 được ban hành kèm theo Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

- Thủ tục tại số thứ tự 1 được ban hành kèm theo Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG, LÝ LỊCH TƯ PHÁP
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4112/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ TƯ PHÁP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Công chứng						
1	Thủ tục Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	100.000 đồng/hồ sơ	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
2	<p>Thủ tục Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức hành nghề công chứng.</p> <p>Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.</p>	<p>Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật Công chứng năm 2014;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;</p> <p>- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
3	Thủ tục Thành lập Văn phòng công chứng	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý 	<p>Điều chỉnh Trình tự thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các công chứng viên thành lập Văn phòng công chứng nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng tại Sở Tư pháp. - Sở Tư pháp tham mưu việc xét duyệt hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					của Bộ Tư pháp.	
4	Thành lập Hội công chứng viên	<p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Đề án thành lập Hội công chứng viên, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định Đề án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ đề nghị thành lập Hội công chứng viên;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định cho phép thành lập Hội công chứng viên; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.</p>	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	<p>- Luật Công chứng năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;</p> <p>- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ TƯ PHÁP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Lý lịch tư pháp						
1	Thủ tục cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	<p>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ.</p> <p>Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu Lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.</p>	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	<ul style="list-style-type: none"> - Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: 200.000 đồng/ lần/ người. - Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp của sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (hoặc chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000 đồng/ lần/ người. - Các trường hợp miễn phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Trẻ em theo quy định tại Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; + Người cao tuổi theo quy định tại Luật Người cao tuổi; + Người khuyết tật 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Lý lịch tư pháp năm 2009; - Luật Căn cước năm 2014; - Luật Cư trú năm 2020; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<p>theo quy định tại Luật Người khuyết tật; người thuộc hộ nghèo theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020;</p> <p>+ Người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Trường hợp người được cấp Phiếu Lý lịch tư pháp đề nghị cấp trên 02 Phiếu trong một lần yêu cầu, thì kể từ Phiếu thứ 3 trở đi, cơ</p>	<p>05 năm 2012 của Bộ Tư pháp - Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				quan cấp Phiếu Lý lịch tư pháp thu thêm 5.000 đồng/ phiếu, để bù đắp chi phí cần thiết cho việc in mẫu Phiếu Lý lịch tư pháp.	và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. - Quyết định số 1050/QĐ-BTP ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
II. Lĩnh vực Công chứng						
1	Bổ nhiệm công chứng viên	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm công chứng viên, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm;	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>trường hợp từ chối đề nghị thì phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ;</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm của Sở Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối bổ nhiệm phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, gửi cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm.</p>			<p>Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
2	Bổ nhiệm lại công chứng viên	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị bổ	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur,	500.000 đồng/ hồ sơ, nộp vào tài khoản của Cục Bổ trợ tư pháp	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>nhiệm lại công chứng viên, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm lại công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại; trường hợp từ chối đề nghị thì phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ;</p> <p>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại của Sở Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên; trường hợp từ chối bổ nhiệm lại phải thông báo bằng văn</p>	<p>Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)</p>		<p>03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		bản, trong đó nêu rõ lý do, gửi cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm lại.			việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
3	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng; - Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. 	
4	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ	Sở Tư pháp	Không	- Luật Công chứng năm 2014;	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	sơ hợp lệ; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.	(141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)		- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng; - Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
5	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Trung tâm - Trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	- Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng; - Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	ương				Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
6	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	<p>- Đối với trường hợp: Người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> <p>- Đối với trường hợp đăng ký tập sự sau khi thay đổi nơi đã đăng ký tập sự: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ</p>	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	<p>- Luật Công chứng năm 2014;</p> <p>- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng;</p> <p>- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	<p>Điều chỉnh thành phần hồ sơ như sau:</p> <p>1. Hồ sơ nộp tại Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự: Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự khi đề nghị thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi đã đăng ký tập sự</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		sơ hợp lệ. - Trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do				2. Hồ sơ nộp tại Sở Tư pháp nơi chuyên đến: - Giấy đăng ký tập sự hành nghề công chứng theo Mẫu TP-TSCC-01 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng; - Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo nghề công chứng hoặc giấy chứng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng (bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu);</p> <p>- Thông báo bằng văn bản của Sở Tư pháp nơi Người tập sự đã đăng ký tập sự trước đó về việc rút tên người tập sự khỏi Danh sách Người tập sự của Sở Tư pháp, xác nhận thời gian tập sự, nơi tập sự và số lần tạm ngừng tập sự.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
7	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức hành nghề công chứng	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng; - Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. 	
8	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	3.500.000 đồng/hồ sơ, nộp vào tài khoản của Cục Bổ trợ tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		có nêu rõ lý do	3)		<p>chứng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
9	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	100.000 đồng/ hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT- 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
10	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	1.000.000 đồng/ hồ sơ.	<p>- Luật Công chứng năm 2014;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
11	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trường hợp từ chối	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur,	- 500.000 đồng/ hồ sơ đối với trường hợp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động khi thay đổi tên	- Luật Công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chứng	thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do	Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	gọi, địa chỉ trụ sở, Trưởng Văn phòng công chứng; - Không thu phí đối với trường hợp ghi nhận nội dung thay đổi đăng ký hoạt động khi thay đổi công chứng viên hợp danh hoặc công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng.	15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
12	Hợp nhất Văn phòng công chứng	<p>- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình UBND cấp tỉnh;</p>	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	<p>- Luật Công chứng năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		<p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do</p>			<p>một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Quyết định 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>	
13	<p>Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất</p>	<p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do</p>	<p>Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)</p>	<p>1.000.000 đồng/ hồ sơ.</p>	<p>- Luật Công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
14	Sáp nhập Văn phòng công chứng	<p>- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép sáp nhập Văn phòng công chứng; trường</p>	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	<p>- Luật Công chứng năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;</p> <p>- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.			năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	
15	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	500.000 đồng/ hồ sơ.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng năm 2014; - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<p>11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					Bộ Tư pháp.	
16	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	<p>- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lấy ý kiến của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên (ở những nơi đã thành lập), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.</p>	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	<p>- Luật Công chứng năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;</p> <p>- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.	

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ TƯ PHÁP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Công chứng					
1	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị miễn nhiệm của công chứng viên, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị kèm theo đơn đề nghị miễn nhiệm của công chứng viên gửi Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị miễn nhiệm công chứng viên, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định việc miễn nhiệm công chứng viên. 	Sở Tư pháp (141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Công chứng năm 2014; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	Thay đổi nội dung	Trong thời hạn 07 ngày	Sở Tư pháp	500.000	- Luật Công chứng năm 2014;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyên nhượng	làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do	(141-143 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3)	đồng/ hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ TƯ PHÁP

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
	Lĩnh vực Công chứng	
1	Miễn nhiệm Công chứng viên.	- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. (Do được thay thế bởi thủ tục Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm).
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng.	- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố TTHC được chuẩn hóa, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. (Do được thay thế bởi thủ tục Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng)
3	Thủ tục Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
4	Thủ tục Từ chối hướng dẫn tập sự	- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
		trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
5	Thủ tục Thay đổi Công chứng viên hướng dẫn tập sự.	- Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

CÔNG BÁO/Số 05+06/Ngày 01-01-2022

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng